

Bản án số: **40/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 22-4-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Thúy
Bà Nguyễn Thị Mai Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2024/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lang Thị H, sinh năm 1987;

Địa chỉ: thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Vi Văn B, sinh năm 1988;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: thôn T, xã T huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú hiện nay: Zumani.

Tại phiên tòa vắng mặt chị H (đã có đơn xin vắng mặt), anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Lang Thị H trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị và anh Vi Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục ở địa phương và gia đình vào cuối năm 2006. Khi đó anh chị không biết việc kết hôn phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước nên mãi đến năm 2017 vợ chồng chị mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 24/3/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời

gian thì phát sinh mâu thuẫn tranh cãi với nhau khiến tình cảm hai vợ chồng không còn như trước, mâu thuẫn cao điểm nhất vào năm 2019. Sau nhiều lần hàn gắn tình cảm thì cuộc sống của vợ chồng vẫn không có nhiều tiến triển tốt, tình cảm đã cạn kiệt và không còn quay lại với nhau được nữa. Hai bên gia đình tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể quay lại với nhau. Tháng 3/2020 anh B đi làm việc tại Zumani, mỗi người ở mỗi nơi không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc, vun đắp cho gia đình, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Chị cảm thấy không phải riêng chị mà cả chồng chị cũng đã mệt mỏi, đời sống hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài được nữa, níu kéo cũng chỉ đem lại đau khổ và tổn thương cho nhau. Nay chị xét thấy tình cảm giữa chị và anh B không còn, cuộc sống chung của vợ chồng đã mất, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn B.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vi Thị H1, sinh ngày 19/9/2007 và Vi Ngọc L, sinh ngày 10/9/2011. Nay ly hôn, nguyện vọng của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Chị H trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Vi Văn B tại Zumani nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Anh B vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình bố mẹ đẻ anh B là ông Vi Văn H2 và bà Lò Thị H3, địa chỉ tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin từ gia đình anh B.

* Tại buổi xác minh tại gia đình anh Vi Văn B, Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông Vi Văn H2 và bà Lò Thị H3. Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/3/2024, ông H2, bà H3 trình bày:

Ông, bà là bố mẹ đẻ của anh Vi Văn B và là bố mẹ chồng chị Lang Thị H. Anh B và chị H lấy nhau kết hôn vào khoảng năm 2006, tổ chức đám cưới tại gia đình nhưng do hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên thời điểm đó chưa đăng ký kết hôn. Mãi đến năm 2017 thì mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi kết hôn, ông, bà thấy vợ chồng anh chị sống vui vẻ, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Khoảng năm 2012, chị H đi xuất khẩu lao động, đi 02 lần, mỗi lần 02 năm. Đến năm 2020, anh B đi xuất khẩu lao động tại Zumani, hiện nay vẫn đang ở Zumani, địa chỉ cụ thể thì ông, bà không biết. Ông, bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh B qua điện thoại. Gia đình ông, bà và anh B đều biết việc chị H có ý định ly hôn anh B, việc ly hôn hay không là do anh, chị tự quyết định, ông, bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung, anh B và chị H có hai con chung là Vi Thị H1, sinh ngày 19/9/2007 và Vi Ngọc L, sinh ngày 10/9/2011. Hiện nay cháu L đang ở với ông, bà, còn cháu H1 đã đi làm xa. Về tài sản chung của vợ chồng, ông, bà không biết.

Ông, bà đồng ý thay anh B nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ có trách nhiệm thông báo cho anh B biết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lang Thị H, xử cho chị H được ly hôn anh Vi Văn B; về con chung: giao hai cháu Vi Thị H1 và Vi Ngọc L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và công nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; về án phí: chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án:

Chị Lang Thị H là nguyên đơn đang cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn là anh Vi Văn B có đăng ký hộ khẩu tại xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Zumani. Trong vụ án này bị đơn cư trú ở nước ngoài, tuy nhiên bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2] Về việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Chị H chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh B ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh B tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu nhưng bố, mẹ đẻ của anh B trình bày không biết địa chỉ anh B ở Zumani. Tuy nhiên, anh B vẫn thường xuyên liên lạc về cho ông, bà, vậy nên bố, mẹ đẻ anh B là ông Vi Văn H2, bà Lò Thị H3 vẫn nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh B, vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn có tình giấu địa chỉ.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn chị Lang Thị H, chị H đã có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, bị đơn anh Vi Văn B vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, xét xử vắng mặt chị Lang Thị H và anh Vi Văn B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lang Thị H và anh Vi Văn B chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục ở địa phương và gia

đình vào cuối năm 2006. Khi đó anh chị không biết việc kết hôn phải được đăng ký tại cơ quan nhà nước nên mãi đến ngày 24/3/2017 vợ chồng mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai, các tài liệu có liên quan trong vụ án, chị H trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn tranh cãi với nhau khiến tình cảm hai vợ chồng không còn như trước, mâu thuẫn cao điểm nhất vào năm 2019. Sau nhiều lần hàn gắn tình cảm thì cuộc sống của vợ chồng vẫn không có nhiều tiến triển tốt, tình cảm đã cạn kiệt và không còn quay lại với nhau được nữa. Hai bên gia đình tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể quay lại với nhau. Tháng 3/2020 anh B đi làm việc tại Zumani, mỗi người ở mỗi nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Lang Thị H được ly hôn với anh Vi Văn B.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vi Thị H1, sinh ngày 19/9/2007 và Vi Ngọc L, sinh ngày 10/9/2011. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, hiện nay anh B đang ở nước ngoài, sẽ khó có điều kiện chăm sóc tốt cho các con, do đó chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cả hai con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản và công nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét. Anh B không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản và công nợ chung nên nếu sau này anh B có yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Lang Thị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lang Thị H:

- Về hôn nhân: Cho chị Lang Thị H được ly hôn với anh Vi Văn B.

- Về con chung: Giao hai cháu Vi Thị H1, sinh ngày 19/9/2007 và Vi Ngọc L, sinh ngày 10/9/2011 cho chị Lang Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh Vi Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Anh B có quyền qua lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Lang Thị H phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000083 ngày 12/01/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, chị H đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã T, huyện
N, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trọng Thúy Nguyễn Thị Mai Hoa Mai Nam Tiến